

Số: **1288** /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày **03** tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;
Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1464/STC-HCSN ngày 23 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018 của các đơn vị như đề xuất của Sở Tài chính tại Văn bản số 1464/STC-HCSN ngày 23 tháng 4 năm 2018; cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giảm dự toán của các đơn vị số tiền: 14.314 triệu đồng.
- Điều chỉnh tăng dự toán của các đơn vị số tiền: 1.485 triệu đồng.
- Số tiền chênh lệch 12.829 triệu đồng nộp trả ngân sách tỉnh năm 2018.

(Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo).

Điều 2. Giao trách nhiệm thực hiện:

- Các đơn vị được điều chỉnh dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018 tại Điều 1 chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung được phê duyệt tại Quyết định này kịp thời và quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các đơn vị thực hiện; đồng thời thực hiện các thủ tục nghiệp vụ để điều chỉnh dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018 cho các đơn vị kịp thời, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và hoàn trả về ngân sách tỉnh số tiền 12.829 triệu đồng (Số tiền chênh lệch sau khi điều chỉnh dự toán).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TKCT.

Gửi: VB giấy + điện tử.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Khánh

PHỤ LỤC: BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 05/5/2018 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Kinh phí tăng			Kinh phí giảm		
		Tổng	Kinh phí Quỹ lương	Chi thường xuyên khác (Đã trừ TK)	Tổng	Kinh phí Quỹ lương	Chi thường xuyên khác (Đã trừ TK)
I	Quản lý nhà nước	822	633	189	7.189	5.636	1.553
A	Khối quản lý NN cấp I	728	539	189	4.752	3.713	1.039
1	Sở Giáo dục và Đào tạo				341	272	70
2	Văn phòng HĐND tỉnh				457	362	95
3	Thanh tra tỉnh				149	116	33
4	Sở Kế hoạch và đầu tư				129	98	32
5	Sở Tài chính				133	101	32
6	Sở Nông nghiệp và PTNT				149	110	39
7	Sở Tư pháp				123	91	32
8	Sở Lao động TB và XH	135	103	32	-		
9	Sở Công Thương	-			125	94	32
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	-			133	101	32
11	Văn phòng UBND tỉnh (Đã bao gồm 4 biên chế Trung tâm Hành chính công)	-			834	645	189
12	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	-			2.179	1.723	456
13	Văn phòng điều phối NTM tỉnh	593	436	158	-		
B	Đơn vị QLNN cấp II	94	94	-	2.437	1.923	514
14	Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh				129	102	27
15	Chi cục Văn thư lưu trữ tỉnh				113	86	27
16	Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh				121	94	27
17	Chi cục Kiểm lâm tỉnh+ 12 Hạt KL các huyện + đội CD				1.353	1.083	271
18	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật				227	173	54
19	CC Chăn nuôi và thú y				121	94	27
20	Chi cục Quản lý CL nông lâm thủy sản				128	101	27
21	Chi cục Thủy sản tỉnh				122	95	27
22	Chi cục Biển đảo và Tài nguyên nước	94	94				
23	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng				122	95	27
II	Sự nghiệp khác	553	386	167	511	376	135
1	TT Hỗ trợ phát triển DN và XTĐT				90	63	27
2	TT Xúc tiến ĐT và cung ứng dịch vụ khu KT	553	386	167	-		

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Kinh phí tăng			Kinh phí giảm		
		Tổng	Kinh phí Quỹ lương	Chi thường xuyên khác (Đã trừ TK)	Tổng	Kinh phí Quỹ lương	Chi thường xuyên khác (Đã trừ TK)
3	Tổng đội TNXPĐKTM Phúc Trạch				96	69	27
4	Trung tâm công báo tin học				217	163	54
5	BQL Khu vực mỏ sắt Thạch Khê				108	81	27
III	Hội nghề nghiệp	110	85	25	-	-	-
1	Hội Đông y	110	85	25			
IV	Sự nghiệp Xã hội	-	-	-	112	85	27
1	TT Điều dưỡng người có công và BTXH				112	85	27
V	Sự nghiệp Đào tạo	-	-	-	577	471	106
1	Trường Đại học Hà Tĩnh				112	92	21
2	Trường trung cấp Kỹ nghệ				373	305	69
3	Trường Trung cấp nghề				92	75	17
VI	Sự nghiệp Nông nghiệp PTNT	-	-	-	5.112	3.600	1.512
1	Đoàn điều tra QH Nông lâm				880	610	270
2	TT Khuyến nông				552	390	162
3	Vườn Quốc gia Vũ Quang				460	325	135
4	BQL rừng phòng hộ Ngân Phố				920	650	270
5	BQL rừng phòng hộ Sông Tiêm				368	260	108
6	BQL rừng phòng hộ Hồng Lĩnh				184	130	54
7	BQL rừng phòng hộ Ngân Sâu				460	325	135
8	BQL rừng phòng hộ Nam Hà Tĩnh				460	325	135
9	BQL Khu bảo tồn TN Kẽ Gỗ				828	585	243
VII	Sự nghiệp Tài nguyên môi trường	-	-	-	384	313	71
1	TT Công nghệ thông tin, kỹ thuật tài nguyên và Môi trường				309	252	57
2	TT phát triển quỹ đất				75	61	14
VIII	Sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và DL	-	-	-	271	163	108
1	Bảo tàng tỉnh				69	42	27
2	Ban Quản lý Khu di tích Nguyễn Du				62	35	27
3	Ban Quản lý Khu di tích Trần Phú				65	38	27
4	Trung tâm Quảng bá Xúc tiến văn hóa du lịch				75	48	27
IX	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh				158		158
	Tổng cộng	1.485	1.104	381	14.314	10.644	3.670

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH